TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 156/2024/HS-PT
Ngày: 26/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Tồn**

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Chí Công**

ông **Nguyễn Tấn Long**

- ***Thư ký phiên tòa***: bà **Văn Thị Mỹ Thảo**; Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Đoàn Minh Lộc**; Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm trực tiếp công khai vụ án hình sự thụ lý số 604/2023/TLPT-HS ngày 07 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Bá T, Nguyễn Thị Hồng H về tội "*Lợi dụng, chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*".

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2023/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 663/2024/QĐXXPT-HS ngày 04 tháng 4 năm 2024.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Bá T; sinh ngày: 26/9/1979, tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: Khu phố H, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Chủ tịch H9, thành phố Đ; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị H1; vợ: Phan Thị Hồng T2, sinh năm 1983; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2009 và nhỏ sinh năm 2016; bị đình chỉ sinh hoạt đảng ngày 18/02/2022.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/02/2022 đến ngày 13/9/2022 thì được thay thế bằng biện pháp bảo lĩnh cho đến nay.

2. Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày: 29/5/1983, tại Quảng Trị; nơi cư trú: Khu phố A, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Công chức địa chính - xây dựng H9, thành phố Đ; con ông Nguyễn Văn H2 và bà Nguyễn Thị T3; chồng: Trần Văn H3, sinh năm 1983; con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2011 và nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/01/2023 cho đến nay,

- *Người bào chữa cho bị cáo* Nguyễn Bá T*:*

1. Luật sư Nguyễn Hữu L - Văn phòng L3; địa chỉ: Số B, đường C, thành phố Đà Nẵng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Luật sư Trần Đức A - Văn Phòng Luật sư T4 và Cộng sự; địa chỉ: Số E, đường L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Nguyễn Thị Hồng H*:* Luật sư Lê Văn H4, Trần Thị Ly L1 - Công ty L4; địa chỉ: Số A, đường T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; luật sư H4 có mặt, luật sư L1 vắng mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Ủy ban nhân dân thành phố Đ; địa chỉ: Số A, đường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Việt H5 - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trương Thị H6, sinh năm 1962; địa chỉ: Khu phố A, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

Người đại diện uỷ quyền: Luật sư Võ Sỹ C; địa chỉ: A H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

2. Ông Đào Xuân H7, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu phố B, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

3. Ông Đặng Trọng T5, sinh năm 1991; địa chỉ: Khu phố B, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Quang C1, sinh năm 1958; địa chỉ: Khu phố I, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

5. Ông Trương Văn T6, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu phố B, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

6. Bà Phạm Thị Thúy L2, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu phố C, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1959; địa chỉ: Khu phố F, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

2. Ông Trương P, sinh năm 1967; địa chỉ: Khu phố A, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

3. Bà Hoàng Thị Như Ý, sinh năm 1981; địa chỉ: Khu phố G, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 9/2015, bà Trương Thị H6 *(sinh năm 1962, trú tại* khu phố A, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị *đến* H9, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị*)* nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 3+391/1+392/1, Tờ bản đồ số 25, Sổ mục kê và bản đồ địa chính năm 2000 (đất có diện tích 1.051m², một mặt giáp với đường H, một mặt giáp với đường T) thuộc khu phố A, Phường E, thành phố Đ. Nguyễn Thị Hồng H trực tiếp nhận và xử lý hồ sơ. Trên cơ sở hồ sơ của bà H6 cung cấp, H đã hoàn tất các thủ tục có liên quan để xác định nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của bà H6, cụ thể: ngày 07/9/2015 đã phối hợp với đồng chí khu phố trưởng khu phố 10 tổ chức lấy phiếu ý kiến của khu dân cư, ngày 24/9/2015 thông báo công khai nguồn gốc sử dụng đất của hộ gia đình, tham mưu cho Nguyễn Bá T ký xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của bà H6 với nội dung *"Mẹ là* Nguyễn Thị T7 *khai hoang trồng cây, xây dựng nhà ở năm* ***1995****, có đơn xin cho con đất làm nhà ở được* UBND phường H9 *xác nhận ngày 30/01/2004"*. Sau đó, hồ sơ công khai nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của bà H6 đã được H9 hoàn tất và trả kết quả cho bà H6. Sau khi nhận hồ sơ, bà H6 đưa đến nộp tại Bộ phận một cửa Văn phòng HĐND và UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị để được xem xét, xử lý.

Trong quá trình làm hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất nói trên, bà H6 có nhờ ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1959, trú tại khu phố F, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, là bạn bè với thông gia của bà H6 giúp đỡ. Do có mối quan hệ quen biết với ông Trần Hữu H8 (nhân viên Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh thành phố Đ, là người đo đạc thửa đất của bà H6), ông Đ được ông H8 giới thiệu đến gặp ông Đào Xuân H7 (Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh thành phố Đ, cán bộ xử lý hồ sơ địa bàn Phường E và là người trực tiếp xử lý hồ sơ của bà H6) để biết rõ hơn về quá trình xử lý đối với hồ sơ của bà H6. Một thời gian sau, ông Đ được ông H7 thông tin thửa đất của bà H6 đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chỉ được cấp 50% theo hạn mức 120m² đất ở, diện tích đất còn lại phải nộp thuế 100%, số tiền nộp thuế sử dụng đất sẽ rất nhiều. Sau đó, ông Đ chở bà H6 đến Bộ phận một cửa xin rút lại hồ sơ, rồi cùng nhau đến H9 gặp T xin xác nhận lại nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất để giảm số tiền thuế phải nộp. Lúc này, H nghỉ sinh theo chế độ (từ ngày 12/10/2015 đến ngày 12/4/2016) nên chị Hoàng Thị Như Ý được phân công phụ trách công tác địa chính thay cho H. Khi gặp T, ông Đ trình bày các nội dung như ông H7 đã thông tin, đồng thời đưa hồ sơ và nhờ T xác nhận lại nguồn gốc và thời

điểm sử dụng đất của bà H6. Sau khi nhận lại hồ sơ từ ông Đ và bà H6. Do H nghỉ sinh, nên T bảo chị Ý sao lục kiểm tra Sổ đăng ký ruộng đất năm 1987 của H9. Xác định bà Nguyễn Thị T7 (mẹ của bà H6) có tên trong Sổ đăng ký ruộng đất năm 1987 (thửa đất của bà T7 kê khai tại thửa số 212, tờ bản đồ số 4, diện tích 1000m²), chị Ý phô tô sao lục Sổ đăng ký ruộng đất có tên của bà T7. Sau đó, ông Đ tiếp tục đến gặp T để xin làm lại hồ sơ xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của bà H6. Biết việc xác nhận lại nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của bà H6 là sai, nhưng thấy gia đình của bà H6 có hoàn cảnh khó khăn, là mẹ góa con côi, thương cảm nên T vẫn đồng ý, mục đích giúp cho bà H6 đỡ một phần thuế sử dụng đất. T nói với ông Đ đến gặp H để có sự thống nhất về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của bà H6, nếu H đồng ý thì T sẽ đồng ý. Được T chỉ nhà, ông Đ đã 02 lần tìm về nhà bố mẹ của H (nhà của ông Nguyễn Văn H2 và bà Nguyễn Thị T3, hiện nay là nhà số A L, thuộc khu phố A, Phường E, thành phố Đ) gặp H để trình bày nội dung như đã trình bày với T đồng thời xin H xác nhận lại nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của bà H6, H đồng ý. Khi ông Đ báo lại cho T biết H đã đồng ý thì T xuống phòng làm việc của chị Ý, đưa bộ hồ sơ và đọc cho chị Ý viết một số giấy tờ có liên quan để xác nhận lại nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của bà H6 gồm: Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 09/10/2015; Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 07/9/2015 và Đơn trình bày về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của bà H6 ngày 09/10/2015. Thi trực tiếp viết nội dung xác nhận của H9 trên bản sao lục Sổ đăng ký ruộng đất năm 1987 có tên của bà Nguyễn Thị T7 kê khai thửa đất tại tờ bản đồ số 4, thửa số 212. Sau đó, T liên lạc với ông Trương P, sinh năm 1967, trú tại khu phố A, Phường E, thành phố Đ (ông P là em ruột của bà H6) đến H9 lấy Phiếu lấy ý kiến khu dân cư mang về cho những người có liên quan ký; liên lạc với ông Đ đến lấy hồ sơ mang về cho bà H6 ký. Sau khi nhận lại Phiếu lấy ý kiến khu dân cư từ ông P và hồ sơ từ ông Đ, T bảo chị Ý mang toàn bộ hồ sơ về nhà H để H kiểm tra, ký xác nhận trước khi trình T ký. Sau khi đưa hồ sơ về nhà để H kiểm tra và ký, chị Ý đưa lên cho T ký hoàn tất hồ sơ công khai nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của bà H6 với nội dung *"Mẹ là bà* Nguyễn Thị T7 *khai hoang làm nhà ở năm* ***1976,*** *cho con là* Trương Thị H6 *được* H9 *xác nhận ngày 30/01/2004.* ***Có nguồn gốc là toàn bộ thửa đất của bà*** T7 ***kê khai tại Sổ đăng ký ruộng đất năm 1987****"*, thuộc trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo khoản 2 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013. Về thời gian, hồ sơ công khai sửa lại nội dung này nhưng vẫn lấy thời gian làm hồ sơ trước đây.

Hoàn tất hồ sơ xong, ông Đ và bà H6 đến nhận và đưa đến nộp tại Bộ phận một cửa Văn phòng HĐND và UBND thành phố Đ. Ngày 15/7/2016 (thời điểm này H đã đi làm lại), ông Đào Xuân H7 và ông Đặng Trọng T5 là cán bộ Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh thành phố Đ đến UBND Phường 5 xác minh nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của bà H6. Biên bản xác minh xác định nguồn gốc đất của bà H6 như sau:

- Đất của mẹ là Nguyễn Thị T7 khai hoang làm nhà ở ổn định từ năm 1976, có đơn xin cho con đất là Trương Thị H6 làm nhà ở (năm 1995) được H9 xác nhận ngày 30/01/2004.

- Kê khai sổ Đăng ký ruộng đất Phường 5 lập năm 1987 tên mẹ là Nguyễn Thị T7 tại tờ bản đồ số 4, số thửa 212 với diện tích 1000m2 đất T (đất ở).

- Kê khai hồ sơ địa chính năm 1993 tên mẹ Nguyễn Thị T7 tại tờ bản đồ số 4, số thửa 212 với diện tích 1000m2 đất T (đất ở).

- Theo hồ sơ địa chính năm 2001, thửa đất bà H6 được quy chủ tại tờ bản đồ số 25, thửa số 3 có diện tích 1964,0 m2 đất T (đất ở).

Ông H7, ông T5, T và H cùng ký xác nhận trong Biên bản xác minh.

Trên cơ sở kết quả xác minh nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của H9, kết quả kiểm tra hồ sơ, ngày 19/7/2016, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh thành phố Đ chuyển Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số 1467/PC-VP cho Chi cục thuế thành phố Đ (nay là Chi cục thuế khu vực Đ - C). Trên cơ sở Phiếu chuyển thông tin trên, ngày 21/7/2016, Chi cục thuế thành phố Đ ra Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 1478/TB-CCT cho bà H6 (theo đó bà H6 không phải nộp tiền thuế sử dụng đất). Sau khi nộp tiền lệ phí trước bạ, ngày 28/7/2016 UBND thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 672928 có diện tích 1.051m² (đất ở đô thị 1.000m², đất trồng cây hàng năm khác 51 m²) cho bà Trương Thị H6. Bà H6 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp không phải nộp thuế sử dụng đất, chỉ nộp lệ phí trước bạ là 29.449.002 đồng.

Kết quả thực địa hiện trường xác định: Thửa đất của bà Nguyễn Thị T7 khai hoang, làm nhà ở năm 1976 có tên trong sổ đăng ký ruộng đất năm 1987 của Phường 5 là thửa đất ông Trương P được hưởng thừa kế và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2004, đến năm 2017 được cấp thêm phần đất còn lại. Thửa đất của bà H6 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ nguồn gốc đất của bà T7 (có tên trong sổ đăng ký ruộng đất năm 1987) là không đúng về nguồn gốc, thời điểm và quá trình sử dụng đất.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Hồng H giao nộp cho Cơ quan điều tra 04 tài liệu mà H và T đã ký xác nhận nguồn gốc, thời điểm, quá trình sử dụng đất của bà Trương Thị H6 (hồ sơ được xử lý trước đó có nội dung đúng).

- Tại Kết luận giám định số 01/KL-TGĐ ngày 25/01/2022 của Cục Thuế tỉnh Q xác định: Nghĩa vụ tài chính phải nộp Ngân sách Nhà nước tại thời điểm ngày 28/7/2016: Tiền sử dụng đất 5.331.446.300 đồng, Lệ phí trước bạ 29.449.002 đồng, tiền chậm nộp tính đến ngày 01/01/2022 là 3.144.487.028 đồng. Tổng thiệt hại số tiền 8.475.933.328 đồng.

- Tại Kết luận giám định số 772/KL-KTHS ngày 04/7/2022 của Phòng kỹ thuật Công an tỉnh Q xác định:

+ "Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung UBND PHƯỜNG 5 T.P ĐÔNG HÀ TỈNH QUẢNG TRỊ (mẫu tài liệu giám định) trên Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ghi

người sử dụng đất Trương Thị H6 (hồ sơ ban đầu được Nguyễn Thị Hồng H và Nguyễn Bá T ký xác nhận) so với hình dấu UBND PHƯỜNG 5 sử dụng cùng thời điểm (mẫu tài liệu so sánh) do cùng một con dấu đóng ra".

+ "Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung UBND PHƯỜNG 5 T.P ĐÔNG HÀ TỈNH QUẢNG TRỊ (mẫu tài liệu giám định) trên các tài liệu có trong hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trương Thị H6 (hồ sơ được Nguyễn Thị Hồng H và Nguyễn Bá T ký xác nhận sau đó) so với hình dấu UBND PHƯỜNG 5 sử dụng cùng thời điểm (mẫu tài liệu so sánh) do cùng một con dấu đóng ra".

- Tại Kết luận giám định số 774/KL-KTHS ngày 04/7/2022 của Phòng kỹ thuật Công an tỉnh Q xác định:

+ Chữ ký mang tên Nguyễn Bá T trên các mẫu tài liệu cần giám định (có trong hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trương Thị H6 đã được UBND thành phố Đ cấp giấy chứng nhận) so với chữ ký của Nguyễn Bá T trên mẫu tài liệu so sánh do cùng một người ký.

+ Chữ viết bằng mực màu xanh trên Bản sao lục Sổ đăng ký ruộng đất năm 1987 của Phường 5, nội dung xác nhận nguồn gốc thửa đất của bà Trương Thị H6 (mẫu tài liệu cần giám định) so với chữ viết của Nguyễn Bá T trên mẫu tài liệu so sánh do cùng một người viết ra.

- Tại Kết luận giám định số 775/KL-KTHS ngày 04/7/2022 của Phòng kỹ thuật Công an tỉnh Q xác định: Chữ ký và chữ viết mang tên Nguyễn Thị Hồng H trên một số tài liệu trong hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trương Thị H6 đã được UBND thành phố Đ cấp giấy chứng nhận (mẫu tài liệu cần giám định) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Hồng H (mẫu tài liệu so sánh) do cùng một người ký và viết ra.

Quá trình điều tra đã thu giữ vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh tím, hiện đã trả lại cho chủ sở hữu là Nguyễn Bá T.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2023/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Bá T, Nguyễn Thị Hồng H phạm tội *"Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"*.

Áp dụng khoản 3, 4 Điều 356; điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo: Nguyễn Bá T **06** (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam trước đó từ ngày 16/02/2022 đến ngày 13/9/2022. Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Nguyễn Bá T đảm nhiệm các chức vụ quản lý, nhiệm vụ trong lĩnh vực địa chính, tài nguyên và môi trường trong thời hạn 02 năm từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Áp dụng khoản 3, 4 Điều 356; điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo: Nguyễn Thị Hồng H **05** (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án. Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Nguyễn Thị Hồng H đảm nhiệm các chức vụ quản

lý, nhiệm vụ trong lĩnh vực địa chính, tài nguyên và môi trường trong thời hạn 02 năm từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Buộc bà Trương Thị H6 phải có nghĩa vụ nộp lại số tiền **5.331.446.300** đồng theo yêu cầu của UBND thành phố Đ sau khi có thông báo của cơ quan T8 có thẩm quyền.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 09 tháng 10 năm 2023 Nguyễn Bá T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ, vào ngày 14 tháng 2 năm 2024 Nguyễn Bá T thay đổi nội dung kháng đề nghị cấp phúc thẩm xem xét xử lý bị cáo theo điều 360 bộ luật hình sự.

Bà Trương Thị H6 kháng cáo hủy bỏ phần dân sự tuyên buộc phải nộp lại số tiền **5.331.446.300** đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Bá T, Nguyễn Thị Hồng H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị H6 có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và nằm trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ.

Về nội dung: Bản án hình sự sơ thẩm số: 73/2023/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã xét xử các bị cáo Nguyễn Bá T, Nguyễn Thị Hồng H về tội *" Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"* theo khoản 3 Điều 356 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Về phần hình phạt: Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, khi thực hiện hành vi phạm tội không vì động cơ vụ lợi do đó Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo Nguyễn Bá T phải chấp hành mức án 06 năm tù và bị cáo Nguyễn Thị Hồng H mức án 05 năm tù là đúng. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc áp dụng hình phạt cho phù hợp, do Nguyễn Bá T, Nguyễn Thị Hồng H có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Đối với kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị H6, Tòa án cấp sơ thẩm xác định nghĩa vụ của bà H6 nộp lại số tiền 5.331.446.300 đồng theo yêu cầu của UBND thành phố Đ là có căn cứ nên đề nghị HĐXX không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà Trương Thị H6.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cấp sơ thẩm xác định bà Trương Thị H6 là người có nghĩa vụ liên quan là đúng. Ngoài ra, các luật sư kháng cáo đề nghị xác định ông Hoàng Văn Đ, Bà Hoàng Thị Như Ý tham gia trong vụ án là người có nghĩa vụ liên quan là có căn cứ cần chấp nhận. Bởi lẽ Hoàng Văn Đ người trực tiếp giúp bà H6 và có mối quan hệ quen biết với ông Trần Hữu H8, Đào Xuân H7 (Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh

thành phố Đ, cán bộ xử lý hồ sơ địa bàn Phường E và là người trực tiếp xử lý hồ sơ của bà H6). Bà Hoàng Thị Như Ý được phân công phụ trách công tác địa chính thay cho H khi nghỉ sinh và cũng là người sao lục Sổ đăng ký ruộng đất năm 1987 cung cấp cho T.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ của các bị cáo thì thấy. Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Bá T, Nguyễn Thị Hồng H thừa nhận: Về nguồn gốc và thời điểm sử dụng thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 672928 do UBND thành phố Đ cấp ngày 28/7/2016 cho bà Trương Thị H6, là do mẹ của bà H6 (bà Nguyễn Thị T7) khai hoang trồng cây, xây dựng nhà ở năm 1995, có đơn xin cho con đất làm nhà ở được UBND phường H9 xác nhận ngày 30/01/2004, là đúng trình tự thủ tục và phù hợp với nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất và đã trả kết quả cho bà H6. Sau đó, bà H6 đã nộp tại Bộ phận một cửa Văn phòng HĐND và UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị để được xem xét cấp GCNQSDĐ thì được biết, bà H6 đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chỉ được cấp 50% theo hạn mức 120m² đất ở, diện tích đất còn lại phải nộp thuế 100% là bất lợi về kinh phí.

Do có quan hệ quen biết, Hoàng Văn Đ tác động nhờ T và Nguyễn Thị Hồng H xác nhận lại nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất để trốn thuế, dù biết việc xác nhận lại là sai nhưng T vẫn đồng ý. T yêu cầu phải có sự đồng ý của bị cáo H. Khi được H đồng ý thì bị cáo tại thời điểm yêu cầu bị cáo T xác nhận lại nội dung về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của bà H6 là người đang giữ chức vụ. T đưa bộ hồ sơ và đọc cho chị Ý viết một số giấy tờ có liên quan để xác nhận lại nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất cho bà H6. Đồng thời bị cáo trực tiếp viết nội dung xác nhận của H9 trên bản sao lục Sổ đăng ký ruộng đất năm 1987 có tên của bà Nguyễn Thị T7 kê khai, thửa đất tại tờ bản đồ số 4 thửa số 212. Hành vi của bị cáo thực hiện là trái với nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Từ việc xác nhận sai nội dung về nguồn gốc đất. Bà H6 được UBND thành phố Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không phải nộp tiền thuế sử dụng đất gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 5.331.446.300 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử các bị cáo phạm tội *"Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"* quy định tại khoản 3 Điều 356 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định.

Về hậu quả, án sơ thẩm đã tuyên buộc bà H6 phải nộp tiền thuế sử dụng đất gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 5.331.446.300 đồng. Như vậy hậu quả vụ án được khắc phục. Mặc khác; Đây là vụ án điểm của Ban chỉ đạo chống tham nhũng. Do vậy việc điều tra truy tố mới chỉ giai đoạn đầu, việc bà H6 được cấp giấy CNQSDĐ liên quan đến sai phạm của nhiều người, nhiều cơ quan liên quan, lẽ ra phải được truy tố xét xử trong cùng một vụ án thì mới triệt để và toàn diện. Tuy nhiên, CQĐT đã tách vụ án khởi tố các bị cáo khác thành tội danh độc lập nên hội đồng xét xử không đề cập. Trong vụ án này nếu xem xét một cách có hệ thống thì H và T cũng chỉ là vai trò thứ yếu. Bởi lẽ các bị cáo H và T không phải là người trực tiếp quyết định để bà H6 được cấp đất. Do vậy; Tòa cấp sơ thẩm xử Nguyễn Bá T 06 (sáu) năm tù, Nguyễn Thị Hồng H 5 năm tù.

Xét thấy; Nguyễn Bá T và Nguyễn Thị Hồng H là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quá trình công tác có nhiều thành tích, khi thực hiện hành vi phạm tội không vì động cơ vụ lợi. Hành vi các bị cáo bị tác động và thương cảm nên xác nhận vai trò thứ yếu trong vụ án. Do đó, nhằm thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước đồng thời tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm và làm lại cuộc đời, HĐXX phúc thẩm xét thấy cần thiết chấp nhận kháng cáo của các bị cáo sửa án sơ thẩm, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[3]. Xét kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị H6 thì thấy: Về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của bà H6 là đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, để đảm bảo điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà H6 phải chịu nghĩa vụ về thuế đối với phần diện tích đất ở được công nhận tăng thêm tương ứng với 5.331.446.300 đồng. Do hành vi xác nhận sai lệch của các bị cáo bà H6 mới được UBND thành phố Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không phải nộp tiền thuế sử dụng đất. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc bà H6 phải có nghĩa vụ nộp lại số tiền 5.331.446.300 đồng theo yêu cầu của UBND thành phố Đ là đảm bảo quy định của pháp luật nên kháng cáo của bà H6 là không có cơ sở.

[4]. Ngoài ra, trong vụ án này còn có ông Hoàng Văn Đ, tại thời điểm yêu cầu bị cáo T xác nhận lại nội dung về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất là công chức nhà nước người đang giữ chức vụ, cũng là người chủ động thông qua nhiều mối liên hệ quen biết, Hoàng Văn Đ có hành vi tác động bị cáo T và nhiều cá nhân cơ quan khác, thực hiện việc xác nhận lại nội dụng không đúng để được cấp GCNQSDĐ cho bà H6 là có dấu hiệu của tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi, nên cần được điều tra làm rõ, có động cơ và mục đích vụ lợi hay không ? Tuy nhiên Cơ quan Điều tra công an Thị Xã Đ chưa điều tra xác minh làm rõ hành vi này là thiếu sót, có khả năng bỏ lọt tội phạm, người phạm tội. Do đó, HĐXX phúc thẩm kiến nghị Cơ quan Điều tra công an Thị xã Đ xem xét điều tra xử lý đối với hành vi của Hoàng Văn Đ và đối tượng có liên quan.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[6] Các bị cáo Nguyễn Bá T, Nguyễn Thị Hồng H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1.1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Bá T, Nguyễn Thị Hồng H.

1.2. Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị H6.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 73/2023/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Bá T, Nguyễn Thị Hồng H phạm tội: "*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*".

- Căn cứ khoản 3 Điều 356; điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo: Nguyễn Bá T **4 (bốn)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam trước đó từ ngày 16/02/2022 đến ngày 13/9/2022..

- Căn cứ khoản 3 Điều 356; điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo: Nguyễn Thị Hồng H **3 (ba)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Án phí HSPT: Các bị cáo Nguyễn Bá T, Nguyễn Thị Hồng H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Quảng Trị;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Trị;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Tồn